



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ**  
**International Auditing and Financial Consulting Company Limited**

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội  
Address: 15<sup>th</sup> Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi  
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT YÊN LÀO**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO KỶ HOẠT ĐỘNG**

**TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 THÁNG 2015 ĐẾN NGÀY 04 THÁNG 01 NĂM 2016**



Thành viên hãng **agn** International / Member Firm of **agn** International

*Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance*

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 31

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Yên Lào (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 04 tháng 01 năm 2016.

### **BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến thời điểm trước cổ phần hóa ngày 04 tháng 01 năm 2016 gồm:

Ông Nguyễn Chí Thịnh	Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đăng	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 05 tháng 01 năm 2016)
Ông Nguyễn Đăng Trung	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Quang	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty từ thời điểm cổ phần hóa ngày 05 tháng 01 năm 2016 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Chí Thịnh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Cường	Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Trung	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Quang	Phó Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Cường  
Giám đốc

Ngày 27 tháng 04 năm 2016

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
SCT. 27.8.7. Quyền số... 4... SCT/BS

30-08-2016



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thừa Chính





# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội  
Address: 15<sup>th</sup> Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi  
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 29.04/2016/BCKT- IFC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Ban Giám đốc**  
**Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Yên Lào**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Yên Lào (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 04 năm 2016, từ trang 6 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 04 tháng 01 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 04 tháng 01 năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 04 tháng 01 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 04 tháng 01 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



*Handwritten signature of Khúc Đình Dũng*

**Khúc Đình Dũng**

**Tổng Giám đốc**

Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0748-2013-072-01

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn**

**Tài chính Quốc tế (IFC)**

Ngày 27 tháng 04 năm 2016

*Handwritten signature of Phạm Thị Thanh Duyên*

**Phạm Thị Thanh Duyên**

**Kiểm toán viên**

Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3515-2015-072-01

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
SCT. 2187... Quyển số 1... SCT/BS

30-08-2016



**PHÓ CHỦ TỊCH**

*Handwritten signature of Nguyễn Thùy Chinh*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 04 tháng 01 năm 2016

Mẫu B 01-DN  
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	04/01/2016	01/01/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>115.886.917.142</b>	<b>56.426.781.142</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>12.308.615.298</b>	<b>13.464.782.493</b>
1. Tiền	111	V.1	12.308.615.298	13.464.782.493
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>75.270.133.394</b>	<b>26.729.578.125</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	48.355.644.477	22.838.925.947
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.256.381.278	3.456.549.958
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		7.365.403.540	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	18.292.704.099	434.102.220
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>27.655.681.492</b>	<b>15.954.482.010</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.4	27.655.681.492	15.954.482.010
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>652.486.958</b>	<b>277.938.514</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		652.486.958	277.938.514
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>23.601.151.255</b>	<b>328.375.742.127</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>855.452.300</b>	<b>5.511.498.303</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		855.452.300	5.511.498.303
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>20.926.754.805</b>	<b>318.625.962.596</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	20.654.045.605	291.957.494.196
- Nguyên giá	222		33.163.573.363	507.484.268.347
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.509.527.758)	(215.526.774.151)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	272.709.200	26.668.468.400
- Nguyên giá	228		433.000.000	26.774.634.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(160.290.800)	(106.165.600)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>4.127.252.519</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	4.127.252.519
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.818.944.150</b>	<b>111.028.709</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	1.818.944.150	111.028.709
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>139.488.068.397</b>	<b>384.802.523.269</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 04 tháng 01 năm 2016

MẪU B 01-DN  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	04/01/2016	01/01/2015
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>120.488.068.397</b>	<b>82.258.425.252</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>119.136.775.421</b>	<b>80.347.132.276</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	39.220.046.999	11.209.282.235
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.055.294.029	4.422.443.269
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	4.332.557.414	5.779.722.922
4. Phải trả người lao động	314		8.057.198.840	12.832.618.042
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	13.095.096.685	7.171.750.679
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		16.726.771.100	22.116.304.555
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	14.819.407.251	6.878.342.883
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	19.095.567.632	8.270.902.773
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.734.835.471	1.665.764.918
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.351.292.976</b>	<b>1.911.292.976</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	1.120.000.000	1.680.000.000
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		231.292.976	231.292.976
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>19.000.000.000</b>	<b>302.544.098.017</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.14	<b>19.000.000.000</b>	<b>16.126.340.949</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		19.000.000.000	15.756.223.467
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	370.117.482
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>286.417.757.068</b>
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	286.417.757.068
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>139.488.068.397</b>	<b>384.802.523.269</b>

*Ua*

*Ua*



Nguyễn Thị Thùy Dương  
Người lập  
Ngày 27 tháng 04 năm 2016

Nguyễn Thị Thùy Dương  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Cường  
Giám đốc

SCT. 2187.....Quvern số.....SCT/BS



PHÓ CHỦ TỊCH

*Nguyễn Thị Chinh*



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 04 tháng 01 năm 2016

MẪU B 02-DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 04/01/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	136.130.136.065
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	136.130.136.065
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	129.471.903.220
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.658.232.845
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		162.792.192
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	2.655.946.538
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.655.946.538
8. Chi phí bán hàng	25		19.244.700
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1.750.784.974
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.395.048.825
11. Thu nhập khác	31	VI.4	284.236.341
12. Chi phí khác	32	VI.5	838.115.836
13. Lợi nhuận khác	40		(553.879.495)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.841.169.330
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	497.388.432
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.343.780.898

Nguyễn Thị Thùy Dương  
Người lập  
Ngày 27 tháng 04 năm 2016

Nguyễn Thị Thùy Dương  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Cường  
Giám đốc

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN GỐC  
SCT.2787...Quvern số...1...SCT/BS

30-08-2016



PHÓ CHỦ TỊCH  
Nguyễn Thị Chinh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 04 tháng 01 năm 2016

MẪU B 03-DN  
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 04/01/2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	115.881.540.191
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(61.741.689.824)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(52.337.283.215)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(2.655.946.538)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(541.073.315)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	18.592.337.781
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(29.065.745.667)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(11.867.860.587)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	284.236.341
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	162.792.192
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>447.028.533</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
1. Tiền thu từ đi vay	33	49.392.361.683
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(39.127.696.824)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>10.264.664.859</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(1.156.167.195)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	13.464.782.493
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	12.308.615.298

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*



Nguyễn Thị Thùy Dương  
Người lập  
Ngày 27 tháng 04 năm 2016

Nguyễn Thị Thùy Dương  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Cường  
Giám đốc

SCT. 2787...Quvern số...A...SCT/BS



30-08-2016

**PHÓ CHỦ TỊCH**  
*Nguyễn Thị Chinh*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Yên Lào (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích và trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, tiền thân là Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Yên Lào được thành lập theo Quyết định số 865/1998/QĐ/TCCB - LĐ ngày 17 tháng 04 năm 1998. Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200152471 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 22 tháng 11 năm 2010.

Ngày 05 tháng 01 năm 2016, Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Yên Lào thực hiện cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty Cổ phần Đường sắt Yên Lào. Vốn điều lệ của Công ty sau khi cổ phần hóa là 19.000.000.000 đồng.

Tổng số cổ phần là 1.900.000 cổ phần. Mệnh giá/cổ phần là 10.000 đồng.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Quản lý, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Tổ chức, ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt;
- Xây dựng các công trình giao thông đường sắt, đường bộ, công trình thủy lợi, công trình dân dụng, đường dây truyền tải điện và trạm biến áp, san lấp mặt bằng;
- Tư vấn đầu tư và xây dựng chuyên ngành cầu đường;
- Sản xuất vật liệu xây dựng và kết cấu thép chuyên ngành;
- Thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm tra độ bền cơ học bê tông kết cấu;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản, cho thuê mặt bằng kho bãi;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch;
- Khai thác, sản xuất đá và kinh doanh các sản phẩm từ đá;
- Dịch vụ bán đấu giá tài sản; và
- Cho thuê văn phòng và mặt bằng kinh doanh.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN****Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập từ ngày 01/01/2015 đến ngày 04/01/2016 là giai đoạn từ khi xác định giá trị doanh nghiệp đến khi đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu.

### **III. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

#### **Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 04 tháng 01 năm 2016.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

### **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Công cụ tài chính**

##### **Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

##### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



RA  
K  
TU  
/ 11

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày bằng nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 37
Máy móc thiết bị	09
Phương tiện vận tải	08 - 11
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây)

Lãi tiền gửi được ghi nhận dựa trên cơ sở dồn tích, được xác nhận trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

#### **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

##### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

##### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, cơ quan thuế vẫn chưa thực hiện kiểm tra quyết toán nghĩa vụ thuế của Công ty từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu (ngày 05 tháng 01 năm 2016).

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

## 1. Tiền

	04/01/2016	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	2.628.738.592	2.095.106.791
Tiền gửi ngân hàng	9.679.876.706	11.369.675.702
<b>Cộng</b>	<b>12.308.615.298</b>	<b>13.464.782.493</b>

## 2. Phải thu khách hàng

	04/01/2016	01/01/2015
	VND	VND
<b>a. Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
Liên Danh Lotte_ Sampyo	28.139.066.094	9.190.315.515
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	10.630.871.210	4.096.892.198
Văn phòng chính điều hành - nhà thầu CP2	3.180.294.201	2.942.806.663
Các khách hàng khác	6.405.412.972	6.608.911.571
<b>Cộng</b>	<b>48.355.644.477</b>	<b>22.838.925.947</b>
<b>b. Phải thu khách hàng các bên liên quan</b>		
Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	10.630.871.210	4.096.892.198
Công ty Cổ phần Vĩnh Nguyên	110.055.872	908.470.033
<b>Cộng</b>	<b>10.740.927.082</b>	<b>5.005.362.231</b>

## 3. Phải thu ngắn hạn khác

	04/01/2016	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí phát sinh trong quá trình cổ phần hóa	500.000.000	-
Chi phí lao động dôi dư (*)	12.696.657.595	-
Phải thu về cổ phần hóa doanh nghiệp	4.317.390.747	-
Tạm ứng	638.016.530	218.647.845
Phải thu ngắn hạn khác	140.639.227	215.454.375
<b>Cộng</b>	<b>18.292.704.099</b>	<b>434.102.220</b>

(\*) Đây là khoản phải thu liên quan đến quá trình cổ phần hóa mà Công ty đã chi hộ Nhà nước cho những người lao động dôi dư, được thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị định số 63/2015/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 22 tháng 07 năm 2015 quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

MẪU SỐ B 09-DN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**4. Hàng tồn kho**

	04/01/2016		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.882.476.507	-	8.430.230.123	-
Công cụ, dụng cụ	477.574.233	-	418.544.461	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	20.254.511.735	-	4.419.662.523	-
Thành phẩm	2.041.119.017	-	2.686.044.903	-
<b>Cộng</b>	<b>27.655.681.492</b>	<b>-</b>	<b>15.954.482.010</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT YÊN LÀO**Số 99, đường Trần Hưng Đạo,  
thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động từ  
ngày 01/01/2015 đến 04/01/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2015	471.948.415.689	27.526.534.247	7.482.940.200	423.252.211	103.126.000	507.484.268.347
Điều chuyển nội bộ	13.344.881.519	(7.322.302.390)	-	-	-	6.022.579.129
Phân loại lại tài sản	(2.367.688.777)	1.706.441.681	529.247.096	132.000.000	-	-
Đánh giá lại TSCĐ (i)	4.343.612.281	-	172.231.050	-	-	4.515.843.331
Thanh lý TSCĐ	-	(893.933.335)	(1.644.279.097)	-	-	(2.538.212.432)
Bàn giao về Tổng Công ty (ii)	(469.834.219.715)	(12.486.685.297)	-	-	-	(482.320.905.012)
<b>Tại ngày 04/01/2016</b>	<b>17.435.000.997</b>	<b>8.530.054.906</b>	<b>6.540.139.249</b>	<b>555.252.211</b>	<b>103.126.000</b>	<b>33.163.573.363</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2015	198.593.228.575	12.414.302.699	4.332.412.061	116.707.516	70.123.300	215.526.774.151
Khấu hao trong kỳ	1.133.525.738	1.473.889.489	444.122.487	43.073.636	-	3.094.611.350
Trích hao mòn trong kỳ	17.671.831.936	-	-	-	4.125.000	17.675.956.936
Điều chuyển nội bộ	-	(2.745.863.387)	-	-	-	(2.745.863.387)
Phân loại lại tài sản	(10.300.428)	272.782.622	(123.284.041)	(139.198.153)	-	-
Đánh giá lại TSCĐ (i)	803.051.448	(377.337.205)	(556.242.811)	(10.834.442)	-	(141.363.010)
Thanh lý TSCĐ	-	(848.894.954)	(1.623.163.232)	-	-	(2.472.058.186)
Bàn giao về Tổng Công ty (ii)	(212.705.466.001)	(5.723.064.095)	-	-	-	(218.428.530.096)
<b>Tại ngày 04/01/2016</b>	<b>5.485.871.268</b>	<b>4.465.815.169</b>	<b>2.473.844.464</b>	<b>9.748.557</b>	<b>74.248.300</b>	<b>12.509.527.758</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2015	273.355.187.114	15.112.231.548	3.150.528.139	306.544.695	33.002.700	291.957.494.196
Tại ngày 04/01/2016	11.949.129.729	4.064.239.737	4.066.294.785	545.503.654	28.877.700	20.654.045.605

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**5. Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**

- (i) Giá trị được ghi nhận dựa theo Báo cáo Xác định giá trị tài sản số 127/2015/BC.DV-AASC ngày 22/06/2015 của Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC, Công điện số 152/CĐ-ĐS ngày 04/03/2016 của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 04 tháng 01 năm 2016 là 3.378.004.956 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2014: 4.033.561.254 đồng).

- (ii) Giá trị tài sản cố định bàn giao về Tổng Công ty theo Quyết định số 2799/QĐ-ĐS ngày 31 tháng 12 năm 2015, Quyết định số 2800/QĐ-ĐS ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Công điện số 268/CĐ-ĐS ngày 20 tháng 04 năm 2016 về việc bàn giao, điều chuyển và hạch toán kế toán tài sản cố định liên quan đến công tác cổ phần hóa.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

## 6. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại 01/01/2015	26.341.634.000	433.000.000	26.774.634.000
Bàn giao về Tổng Công ty (i)	(26.341.634.000)	-	(26.341.634.000)
<b>Tại 04/01/2016</b>	<b>-</b>	<b>433.000.000</b>	<b>433.000.000</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại 01/01/2015	-	106.165.600	106.165.600
Khấu hao trong kỳ	-	54.125.200	54.125.200
<b>Tại 04/01/2016</b>	<b>-</b>	<b>160.290.800</b>	<b>160.290.800</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2015	26.341.634.000	326.834.400	26.668.468.400
Tại 04/01/2016	-	272.709.200	272.709.200

(i) Xem tại mục (ii) thuyết minh số V.5 – Tài sản cố định hữu hình.

## 7. Chi phí trả trước dài hạn

	04/01/2016 VND	01/01/2015 VND
Chi phí cải tạo mỏ đá Lâm Giang	-	111.028.709
Chi phí bóc tầng đất phủ	1.818.944.150	-
<b>Cộng</b>	<b>1.818.944.150</b>	<b>111.028.709</b>

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT YÊN LÀO**Số 99, đường Trần Hưng Đạo,  
thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động từ  
ngày 01/01/2015 đến 04/01/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****8. Phải trả người bán ngắn hạn**

	04/01/2016		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái	10.135.496.054	10.135.496.054	5.501.486.516	5.501.486.516
Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú	8.275.878.135	8.275.878.135	-	-
Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	6.792.769.134	6.792.769.134	481.849.489	481.849.489
Công ty TNHH MTV Quản lý Đường Sắt Hà Ninh	4.591.886.673	4.591.886.673	1.339.049.741	1.339.049.741
Công Ty TNHH Xây Dựng & Thương Mại Đức Toàn	4.400.592.495	4.400.592.495	-	-
Phải trả người bán khác	5.023.424.508	5.023.424.508	3.886.896.489	3.886.896.489
<b>Cộng</b>	<b>39.220.046.999</b>	<b>39.220.046.999</b>	<b>11.209.282.235</b>	<b>11.209.282.235</b>
<b>b. Phải trả người bán các bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái	10.135.496.054	10.135.496.054	5.501.486.516	5.501.486.516
Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú	8.275.878.135	8.275.878.135	-	-
Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	6.792.769.134	6.792.769.134	481.849.489	481.849.489
Công ty TNHH MTV Quản lý Đường Sắt Hà Ninh	4.591.886.673	4.591.886.673	1.339.049.741	1.339.049.741
<b>Cộng</b>	<b>29.796.029.996</b>	<b>29.796.029.996</b>	<b>7.322.385.746</b>	<b>7.322.385.746</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

MÃU SỐ B 09-DN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	04/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	01/01/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.746.694.039	13.699.456.011	15.066.852.200	5.114.090.228
Thuế thu nhập doanh nghiệp	428.290.828	497.388.432	541.073.315	471.975.711
Thuế thu nhập cá nhân	42.264.535	53.260.537	10.996.002	-
Thuế tài nguyên	-	705.844.807	829.270.874	123.426.067
Thuế khác	115.308.012	191.695.156	146.618.060	70.230.916
<b>Cộng</b>	<u><u>4.332.557.414</u></u>	<u><u>15.147.644.943</u></u>	<u><u>16.594.810.451</u></u>	<u><u>5.779.722.922</u></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**10. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	04/01/2016	01/01/2015
	VND	VND
Trích trước chi phí giá vốn công trình	13.095.096.685	7.171.750.679
<b>Cộng</b>	<b>13.095.096.685</b>	<b>7.171.750.679</b>

**11. Phải trả ngắn hạn khác**

	04/01/2016	01/01/2015
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	87.208.729	108.961.004
Bảo hiểm xã hội	562.222.927	-
Bảo hiểm y tế	106.178.410	-
Bảo hiểm thất nghiệp	46.909.998	-
Các khoản phải trả khác	14.016.887.187	6.769.381.879
- Phải trả Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	9.646.228.069	2.799.094.912
- Các khoản phải trả khác	4.370.659.118	3.970.286.967
<b>Cộng</b>	<b>14.819.407.251</b>	<b>6.878.342.883</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**12. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	04/01/2016		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>18.535.567.632</b>	<b>18.535.567.632</b>	<b>49.392.361.683</b>	<b>38.567.696.824</b>	<b>7.710.902.773</b>	<b>7.710.902.773</b>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái	9.584.077.410	9.584.077.410	20.793.966.469	15.298.142.907	4.088.253.848	4.088.253.848
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư (ii) và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái	6.451.490.222	6.451.490.222	17.856.222.108	15.027.380.811	3.622.648.925	3.622.648.925
Vay cá nhân	2.500.000.000	2.500.000.000	10.742.173.106	8.242.173.106	-	-
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>560.000.000</b>	<b>560.000.000</b>			<b>560.000.000</b>	<b>560.000.000</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái	560.000.000	560.000.000			560.000.000	560.000.000
<b>Cộng</b>	<b>19.095.567.632</b>	<b>19.095.567.632</b>	<b>49.392.361.683</b>	<b>38.567.696.824</b>	<b>8.270.902.773</b>	<b>8.270.902.773</b>

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 35/2014/HĐTD-870200272 ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Phụ lục hợp đồng này ngày 19 tháng 11 năm 2015 với số tiền là 10 tỷ đồng trong 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động khi thực hiện phương án kinh doanh và thời hạn cho vay trong giấy nhận nợ không quá 06 tháng, với lãi suất biến đổi theo thông báo cụ thể của Ngân hàng.
- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/783153/HĐTD ngày 30 tháng 06 năm 2015 với số tiền là 10 tỷ đồng trong 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng. Khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động, với lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể.



**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT YÊN LÀO**Số 99, đường Trần Hưng Đạo,  
thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động từ  
ngày 01/01/2015 đến 04/01/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****13. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	04/01/2016		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>1.680.000.000</b>	<b>1.680.000.000</b>	-	<b>560.000.000</b>	<b>2.240.000.000</b>	<b>2.240.000.000</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư (i) và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái	1.680.000.000	1.680.000.000	-	560.000.000	2.240.000.000	2.240.000.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b> (Trình bày tại Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn)	<b>(560.000.000)</b>	<b>(560.000.000)</b>			<b>(560.000.000)</b>	<b>(560.000.000)</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.120.000.000</b>	<b>1.120.000.000</b>	-	<b>560.000.000</b>	<b>1.680.000.000</b>	<b>1.680.000.000</b>

- (i) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2013/HD-QLDSYL ngày 03 tháng 12 năm 2013, số tiền vay 2,8 tỷ đồng, mục đích vay thanh toán chi phí đầu tư dự án cải tạo, nâng cấp năng lực sản xuất vật liệu tại xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng Lâm Giang. Thời hạn vay 5 năm kể từ ngày rút vốn 3 tháng 12 năm 2013. Lãi suất 12,5%/năm, điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có và các tài sản khác tại mỏ đá Lâm Giang.

**Các khoản vay được trả theo lịch biểu như sau:**

	04/01/2016	01/01/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	560.000.000	560.000.000
Trong năm thứ hai	560.000.000	560.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	560.000.000	1.120.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.680.000.000</b>	<b>2.240.000.000</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (Trình bày tại Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn)	560.000.000	560.000.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>1.120.000.000</b>	<b>1.680.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**14. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	15.756.223.467	370.117.482	26.000.000	1.196.910.768	17.349.251.717
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	1.640.721.528	1.640.721.528
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.986.342.608)	(1.986.342.608)
Nộp lợi nhuận cho chủ sở hữu	-	-	-	(851.289.688)	(851.289.688)
Giảm khác	-	-	(26.000.000)	-	(26.000.000)
<b>Số dư tại ngày 01/01/2015</b>	<b>15.756.223.467</b>	<b>370.117.482</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>16.126.340.949</b>
Điều chuyển về TCT (i)	(756.223.467)	(370.117.482)	-	-	(1.126.340.949)
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	1.343.780.898	1.343.780.898
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.835.997.356)	(1.835.997.356)
Xác định lại giá trị tài sản (i)	5.703.836.636	-	-	-	5.333.719.154
Tăng khác (ii)	-	-	-	492.216.458	492.216.458
Giảm khác (iii)	(1.703.836.636)	-	-	-	(1.703.836.636)
<b>Số dư tại ngày 04/01/2016</b>	<b>19.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>19.000.000.000</b>

- (i) Báo cáo Xác định giá trị tài sản số 127/2015/BC.DV-AASC ngày 22/06/2015 của Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC và Công văn số 152/CĐ-ĐS ngày 04 tháng 03 năm 2016 về việc Báo cáo số liệu bàn giao tài sản của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.
- (ii) Điều chỉnh giảm giá trị lợi nhuận tạm tính phải nộp năm 2014 về Tổng Công ty đường sắt Việt Nam.
- (iii) Giá trị tài sản cố định bàn giao về Tổng Công ty theo Quyết định số 2799/QĐ-ĐS ngày 31 tháng 12 năm 2015, Quyết định số 2800/QĐ-ĐS ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Công điện số 268/CĐ-ĐS ngày 20 tháng 04 năm 2016 về việc bàn giao, điều chuyển và hạch toán kế toán tài sản cố định liên quan đến công tác cổ phần hóa.

*(Handwritten signature and red stamp)*

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT YÊN LÀO**

Số 99, đường Trần Hưng Đạo,  
thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ  
ngày 01/01/2015 đến 04/01/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**MẪU SỐ B 09-DN**

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**14. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	04/01/2016		01/01/2015	
	VND	Tỉ lệ	VND	Tỉ lệ
Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam	9.687.647.400	51%	15.756.223.467	100%
Các đối tượng khác	9.312.352.600	49%	-	-
<b>Cộng</b>	<b>19.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>15.756.223.467</b>	<b>100%</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2015 đến 04/01/2016 VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>136.130.136.065</b>
Trong đó:	
<b>Doanh thu hoạt động công ích</b>	<b>63.132.181.596</b>
- <i>Doanh thu hoạt động xây lắp</i>	<i>63.132.181.596</i>
<b>Doanh thu hoạt động ngoài công ích</b>	<b>72.997.954.469</b>
- <i>Doanh thu hoạt động xây lắp</i>	<i>62.844.061.520</i>
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>10.153.892.949</i>
<b>Cộng</b>	<b>136.130.136.065</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2015 đến 04/01/2016 VND
<b>Giá vốn hoạt động công ích</b>	<b>62.990.756.690</b>
- <i>Giá vốn hoạt động xây lắp</i>	<i>62.990.756.690</i>
<b>Giá vốn hoạt động ngoài công ích</b>	<b>66.481.146.530</b>
- <i>Giá vốn hoạt động xây lắp</i>	<i>58.436.567.832</i>
- <i>Giá vốn bán hàng hóa</i>	<i>8.044.578.698</i>
<b>Cộng</b>	<b>129.471.903.220</b>

**3. Chi phí hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2015 đến 04/01/2016 VND
Lãi tiền vay	2.655.946.538
<b>Cộng</b>	<b>2.655.946.538</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**4. Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2015 đến 04/01/2016 VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản	284.236.341
<b>Cộng</b>	<b>284.236.341</b>

**5. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2015 đến 04/01/2016 VND
Các khoản phạt hành chính	105.607.160
Các khoản chi khác	732.508.676
<b>Cộng</b>	<b>838.115.836</b>

**6. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Từ 01/01/2015 đến 04/01/2016 VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.841.169.330
Chi phí không được trừ	105.607.160
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	428.290.828
Cộng: thuế TNDN nộp theo biên bản thanh tra thuế	69.097.604
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>497.388.432</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**VII. THÔNG TIN KHÁC**

**1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

*Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Từ 01/01/2015 đến 04/01/2016 VND
<b>Doanh thu</b>	
Ban cơ sở hạ tầng - Đường sắt Việt Nam	69.562.737.420
Công ty Cổ phần Vĩnh Nguyên	-
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái	2.656.354.420
Công ty TNHH MTV QLĐS Hà Ninh	-
Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú	1.094.303.437
<b>Cộng</b>	<b>73.313.395.277</b>
<b>Mua hàng</b>	
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái	7.455.753.655
Công ty TNHH MTV QLĐS Hà Ninh	5.243.666.890
Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú	9.852.001.490
Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	6.774.928.204
Công ty CP XNK VTTB Đường Sắt	158.335.000
<b>Cộng</b>	<b>29.484.685.239</b>

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:*

	04/01/2016 VND	01/01/2015 VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
Ban cơ sở hạ tầng - Đường sắt Việt Nam	9.724.270.074	3.190.291.062
Công ty CP Công trình đường sắt	-	85.604.766
Công ty Cổ phần Vĩnh Nguyên	110.055.872	908.470.033
<b>Các khoản người mua ứng trước</b>		
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái	-	1.872.606.232
Công ty TNHH MTV QLĐS Hà Ninh	543.271.057	543.271.057
Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú	-	564.367.790
<b>Các khoản ứng trước cho người bán</b>		
Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú	-	1.907.652.358
<b>Các khoản phải trả</b>		
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	19.007.595.629	22.116.304.555
<i>Trong đó:</i>		
<i>Giá trị máy móc thiết bị</i>	9.361.367.560	15.147.620.585
<i>Nợ khác</i>	9.646.228.069	6.968.693.970
Xí nghiệp cơ khí Đông Anh	1.274.832.912	320.231.968
Công ty Quản lý đường sắt Vĩnh Phú	8.275.878.135	-
Công ty CP XNK VTTB Đường Sắt	174.168.500	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VIII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)***Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:*

	Từ 01/01/2015 đến 04/01/2016 VND
Lương	1.263.600.000
Thù lao Hội đồng thành viên	117.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.380.600.000</b>

**2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Theo Quyết định số 2339/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Quyết định số 3906/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc Phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Yên Lào thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, Công ty chính thức chuyển hình thức sở hữu vốn từ Công ty TNHH MTV sang Công ty Cổ phần với tên gọi “Công ty Cổ phần Đường sắt Yên Lào” từ ngày 05 tháng 01 năm 2016. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ nhất do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 05 tháng 01 năm 2016, với tổng số vốn điều lệ là 19.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười chín tỷ đồng chẵn).

**3. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2015 là số liệu tương ứng trình bày trên Bảng cân đối kế toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán. Không có số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 04 tháng 01 năm 2016, do Công ty không lập Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 04 tháng 01 năm 2015.

Như trình bày tại Thuyết minh số III, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm này, cụ thể như sau:

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT YÊN LÀO**

Số 99, đường Trần Hưng Đạo,  
thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ  
ngày 01/01/2015 đến 04/01/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**MẪU SỐ B 09-DN**

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**4. Số liệu so sánh (Tiếp theo)**

<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>				
<b>Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014</b>		<b>Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/02/2006</b>		<b>Chênh lệch</b>
<b>TÀI SẢN*</b>	<b>01/01/2015</b>	<b>TÀI SẢN</b>	<b>01/01/2015</b>	
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>56.426.781.142</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>56.426.781.142</b>	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>26.729.578.125</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>26.510.930.280</b>	<b>218.647.845</b>
4. Phải thu ngắn hạn khác	434.102.220	3. Các khoản phải thu khác	215.454.375	218.647.845
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>277.938.514</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>496.586.395</b>	<b>(218.647.881)</b>
2. Tài sản ngắn hạn khác	-	2. Tài sản ngắn hạn khác	218.647.845	(218.647.845)
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>328.375.742.127</b>	<b>A. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>328.375.742.127</b>	-
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>5.511.498.303</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	-	<b>5.511.498.303</b>
1. Phải thu dài hạn khác	5.511.498.303	1. Phải thu dài hạn khác	-	5.511.498.303
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>111.028.709</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>5.622.527.012</b>	<b>(5.511.498.303)</b>
2. Tài sản dài hạn khác	-	2. Tài sản dài hạn khác	5.511.498.303	(5.511.498.303)
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>01/01/2015</b>	<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>01/01/2015</b>	
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>82.258.425.252</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>82.258.425.252</b>	-
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>80.347.132.276</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>80.347.132.276</b>	-
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	8.270.902.773	1. Vay và nợ ngắn hạn	8.270.902.773	-

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
SCT. 2/2016... OUVEN số... 1... SCT/BS

30-03-2016

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*

Nguyễn Thị Thùy Dương  
Người lập  
Ngày 27 tháng 04 năm 2016



Nguyễn Thị Thùy Dương  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Cường  
Giám đốc

**PHÓ CHỦ TỊCH**  
*Nguyễn Thị Chinh*